TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2026/QĐST-HNGĐ	*Hải Phòng, ngày 06 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Thư ký phiên họp: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên họp: Bà Lê Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 06/5/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 322/2026/TLST-HNGĐ ngày 09/4/2026 về "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" theo Quyết định mở phiên họp số 98/2026/QĐMPH-HNGĐ ngày 24/4/2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Trần Thị Q, sinh ngày 10/9/2000, số CCCD: 036300008xxx. Địa chỉ: Thôn V, phường Đ, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

2. Anh Vũ Mạnh H, sinh ngày 29/01/1999, số CCCD: 030099012xxx. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng. Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản. Vắng mặt.

Người được chị Trần Thị Q, anh Vũ Mạnh H ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng tại Toà án:

Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 08/7/1997, số CCCD 001097035xxx. Địa chỉ: Thôn L, xã P, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của chị Trần Thị Q và anh Vũ Mạnh H cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị Q và anh Vũ Mạnh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12/01/2024 tại UBND xã QT, thành phố H,

tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường A, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn một tháng, anh chị cùng đi lao động tại Nhật Bản nhưng mỗi người sống một nơi, không chung sống cùng nhau. Đến tháng 4 năm 2025, vợ chồng mâu thuẫn về tình cảm và việc sinh con, anh H muốn có con nhưng chị Q chưa muốn sinh nên vợ chồng không qua lại gặp mặt, không liên lạc. Chị Q và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng công nhận việc thuận tình ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Chị Q và anh H đều xác định không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng xác định Thẩm phán, Thư ký phiên họp, các đương sự đã tuân theo và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự. Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 2 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Q và anh Vũ Mạnh H. Về con chung, tài sản chung: không giải quyết. Về lệ phí: Chị Q chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Q và anh Vũ Mạnh H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là yêu cầu về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Q hiện cư trú tại thôn Vòng Quang, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình; anh H có địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng,

hiện nay sinh sống tại Nhật Bản cùng có quan điểm đề nghị Toà án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng giải quyết công nhận thuận tình ly hôn nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, khoản điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực thì việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng.

[1.2] Người yêu cầu chị Trần Thị Q, anh Vũ Mạnh H; người đại diện theo uỷ quyền của chị Q và anh H về việc giao, nhận văn bản tố tụng là anh Nguyễn Văn T đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Q và anh Vũ Mạnh H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12/01/2024 tại UBND xã QT, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường A, thành phố Hải Phòng) nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn một tháng, anh chị cùng đi lao động tại Nhật Bản nhưng mỗi người sống một nơi. Đến tháng 4 năm 2025, vợ chồng mâu thuẫn về tình cảm, anh H muốn có con nhưng chị Q chưa muốn sinh nên vợ chồng không gặp nhau, không liên lạc. Anh chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho anh chị. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Q và anh H đều xác định không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q và anh H đều không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về lệ phí: Chị Q và anh H thoả thuận để chị Q chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nên cần chấp nhận theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 2 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Q và anh Vũ Mạnh H.

2. Về lệ phí: Chị Trần Thị Q chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được đối trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng đã nộp (anh Nguyễn Văn T nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E, số: 0003999 ngày 09/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị Q đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 – Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 -Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND phường A để ghi vào sổ hộ tịch (kết hôn năm 2024 tại UBND xã Quyết Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh